

Bản án số: 06 /2022/HC-PT

Ngày: 23/3/2022

*V/v Khiếu kiện hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Lam.

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Lê Na

Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hoa
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021 và ngày 23/3/2022, tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 12/2021/HCPT ngày 08/6/2021 về việc khiếu kiện yêu cầu hủy các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, TP Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐ-HCPT ngày 13/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐ-HCPT ngày 27/7/2021; Thông báo về việc tiếp tục đưa vụ án ra xét xử số 1081/2021/TB-TA ngày 29/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐ-HCPT ngày 24/11/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 125/2021/TB-TA ngày 16/12/2021; Thông báo về việc tiếp tục đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/TB-TA ngày 25/02/2022 và Thông báo thay đổi ngày mở lại phiên tòa số 100/2022/TB-TA ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hưng T, sinh năm 1984

Trú tại: thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Hoàng Văn D** – Luật sư Công ty Luật TNHH H và Công Sự, Trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà B5-D6, ngõ 56 đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Trụ sở: xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hữu K** - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã L, huyện H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thanh B** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã L, huyện H, thành phố Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố Hà Nội

Trụ sở: xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hữu K** - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã L, huyện H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thanh B** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã L, huyện H, thành phố Hà Nội;

2. Ông **Nguyễn Hưng D**, sinh năm 1949;

Trú tại: thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

3. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1952;

Trú tại: thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

4. Chị **Trần Thị Vân N**, sinh năm: 1983;

Trú tại: thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

Người khởi kiện là Ông Nguyễn Hưng T trình bày:

Gia đình ông T có thửa đất gần 3.000 m² tại địa chỉ Khu T, thôn Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội, nguồn gốc thửa đất này là đất thổ cư của các cụ nhà ông T để lại từ nhiều đời nay. Trên thửa đất này là lũy tre, tường bao, gia đình ông T sử dụng ổn định, xây dựng các công trình, trồng các loại cây cối, chăn nuôi... không có bất cứ tranh chấp với ai.

Năm 2007 bố ông T là ông Nguyễn Hưng D đã làm giấy tờ chuyển nhượng cho ông T 1.308 m² đất, sau khi bố ông T giao đất năm 2007, ông T trực tiếp quản lý sử dụng và xây dựng các công trình trên đất ổn định, không có bất cứ tranh chấp nào.

Ngày 29/01/2018, Ủy ban nhân dân xã L đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T. Sau khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50, ông T đã không đồng ý và khiếu nại quyết định xử phạt này đến Chủ tịch UBND xã L. Ngày 10/11/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đã ban hành quyết định số 437/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T.

Ngày 06/2/2018, UBND xã L ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T. Ngày 29/10/2018, Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định số 419/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 65 ngày 06/2/2018.

Ngày 18/3/2018, ông T nhận được thông báo số 20/TB-UBND với nội dung: Tổ chức cưỡng chế công trình xây dựng trên diện tích 2.095 m² theo Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

Sau khi nhận được Thông báo số 20/TB-UBND, ông T đã có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân xã L với nội dung, ông T không nhận được Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, đề nghị

UBND giao quyết định cho ông T để ông T thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật và không đồng ý với thông báo số 20/TB-UBND của Ủy ban nhân dân xã L. Đơn khiếu nại của ông T đã được Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận và thụ lý.

Ngày 28/3/2019, Ủy ban nhân dân xã L chưa trả lời khiếu nại của ông T mà đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ toàn bộ tài sản trên phần diện tích đất của gia đình ông T đang quản lý và sử dụng.

Sau khi cưỡng chế đập phá xong toàn bộ tài sản của gia đình ông T, thì ngày 17/5/2019 gia đình ông T nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 174/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông T.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện H xem xét giải quyết:

- Hủy toàn bộ các Quyết định hành chính sau:

Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 29/01/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đối với ông T Nguyễn Hưng Toàn.

Thông báo số 20/TB-UBND, ngày 18/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã L với nội dung: Tổ chức cưỡng chế công trình xây dựng trên diện tích 2.095 m² theo Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 174/QĐ-UBND, ngày 17/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L.

Lý do xin hủy các Quyết định và các Thông báo: Vì UBND xã L ban hành các Quyết định này không đúng Thẩm quyền theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã L bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi tổ chức cưỡng chế không đúng quy định của pháp luật cho gia đình ông T.

- Buộc Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã L xin lỗi công khai gia đình ông T.

Ngày 07/11/2019, Ông Nguyễn Hưng T đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: xin rút yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã L bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi tổ chức cưỡng chế không đúng quy định của pháp luật cho gia đình ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã L trình bày như sau:

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đề nghị giữ nguyên toàn bộ các quyết định hành chính và không chấp yêu cầu của người khởi kiện. Vì:

Về nguồn gốc đất:

+ Theo Hồ sơ địa chính và kết quả lấy ý kiến về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất: Khu T có diện tích 3.704,0 m² (trong đó, Ông Nguyễn Hưng T xây dựng vi phạm trên diện tích đất 2.095,0 m²) có nguồn gốc là đất công do Ủy ban nhân dân xã quản lý.

Năm 2000, Ủy ban nhân dân xã tiến hành xây dựng tuyến đường giao thông từ thôn Đ đi phường Dương Nội, quận Hà Đông đã đào đất để đắp đường giao thông hình thành khu đất trũng, không canh tác được nên bị bỏ hoang nhiều năm không ai

sử dụng. Khu đất này thuộc đất công do xã quản lý, Ủy ban nhân dân xã không giao, cho thuê cho hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng.

+ Giấy tờ do ông T cung cấp:

Anh Nguyễn Hưng Toàn đã cung cấp: 01 bản phô tô “*Giấy giao quyền sử dụng đất ở cho con*” với nội dung ông Nguyễn Hưng D và bà Nguyễn Thị L, thôn Đ giao quyền sử dụng đất đối với thửa đất ở diện tích 1.308,0 m² tại thôn Đ cho anh Nguyễn Hưng Toàn.

Qua kiểm tra, xác minh cho thấy, Giấy giao quyền của ông T có dấu hiệu sửa chữa, ghi thêm nội dung làm thay đổi nội dung của Giấy giao quyền. Nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và cán bộ Địa chính xã đã xác nhận đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 05, diện tích 308,0 m² làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận số AI 297785 ngày 06/10/2009 diện tích 308m².

Ủy ban nhân dân xã đã yêu cầu Ông Nguyễn Hưng T cung cấp bản chính Giấy giao quyền để đối chiếu và gửi cơ quan chức năng giám định, tuy nhiên Ông Nguyễn Hưng T không cung cấp.

+ Quá trình giải quyết đơn thư của các hộ có tài sản tại khu Trái Ấu:

Khu đất T được quy hoạch xây dựng Nhà văn hóa và đường vào nhà văn hóa thôn Đ. Trong quá trình triển khai thi công xây dựng Nhà văn hóa và đường vào Nhà văn hóa Ủy ban nhân dân xã đã nhận được Đơn đề nghị bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, tài sản cây cối của 06 cá nhân có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã L. Ủy ban nhân dân xã, Mặt trận Tổ quốc xã, các đoàn thể và thôn đã tiến hành vận động, giải thích để các cá nhân có tài sản, cây trồng trên đất tự giác thu dọn tài sản, cây cối trên đất để đảm bảo mặt bằng thi công dự án và được sự đồng thuận 06 cá nhân nêu trên, đã chủ động bàn giao mặt bằng, thu dọn một phần tài sản, cây cối và không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã bồi thường, hỗ trợ bất cứ khoản chi phí nào.

+ Hành vi vi phạm và quá trình xử lý vi phạm của ông T:

++ Về hành vi vi phạm:

Ngày 27/01/2018, ông Nguyễn Hưng T đã xây dựng: 02 trụ cổng bằng gạch chỉ cao 2,0 m, dựng 02 cánh cửa sắt, tấm proximang, đổ đất trồng cây và khoan giếng trên diện tích đất vi phạm 759,0 m². Hành vi của ông T đã vi phạm quy định tại khoản 2, Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

++ Quá trình xử lý vi phạm:

*Ngày 27/01/2018, Ủy ban nhân dân xã L tiến hành lập biên bản kiểm tra công trình xây dựng tại Khu T do ông T làm chủ đầu tư đồng thời lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 07/BB-VPHC đối với ông T do có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở với quy mô vi phạm 759,0m². Cùng ngày, Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND về việc đình chỉ vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông T, lập biên bản về việc niêm yết công khai vì ông T không nhận Quyết định.

*Ngày 29/01/2018, Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định số 50/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tiến hành giao Quyết định cho ông T và lập biên bản về việc niêm yết công khai vì Toàn không nhận Quyết định.

* Ngày 06/02/2018, Ủy ban nhân dân xã L lập biên bản kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 29/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã L. Biên bản thể hiện, ông T không thực hiện Quyết Định số 50/QĐ-XPHC. Cùng ngày Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành và lập biên bản niêm yết công khai vì ông T không nhận Quyết định.

*Ngày 16/10/2018, Ủy ban nhân dân xã L tiến hành lập biên bản kiểm tra công trình xây dựng tại Khu T, do Toàn làm chủ đầu tư; cùng ngày, Ủy ban nhân dân xã đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 142/BB-VPHC do ông T tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở với quy mô vi phạm 700,0 m² tại Khu T. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 397/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính và lập biên bản niêm yết công khai vì ông T không nhận Quyết định.

*Ngày 29/10/2018, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 419/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định cưỡng chế số 65/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 vì Quyết định có sai sót về kỹ thuật soạn thảo và tiến hành giao Quyết định cho ông T.

*Ngày 09/11/2018, Ủy ban nhân dân xã L lập biên bản kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 29/01/2018 và Quyết định số 397/QĐ-XPVPHC ngày 16/10/2018. Biên bản kiểm tra đã thể hiện, Ông Nguyễn Hưng T không thực hiện Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 29/01/2018 và Quyết định số 397/QĐ-XPVPHC ngày 16/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã L. Tổng diện tích do ông T xây dựng vi phạm là 1.459,0 m². Cùng ngày Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định số 435/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Theo đó ông T phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trên tổng diện tích vi phạm 1.459,0 m² tại Khu T. Ngày 10/11/2018, Ủy ban nhân dân xã tiến hành giao Quyết định cho ông T, ông T đã nhận Quyết định song không ký biên bản. Ngày 12/11/2018, Ủy ban nhân dân xã đã niêm yết công khai Quyết định số 435/QĐ-CCXP.

* Ngày 24/01/2019, Ủy ban nhân dân xã tiến hành lập Biên bản kiểm tra hiện trạng công trình vi phạm. Biên bản kiểm tra đã thể hiện ông T không thực hiện các Quyết định, Thông báo về việc xử lý vi phạm mà tiếp tục đổ đất, xây tường bao trên diện tích chiếm đất 636,0 m². Tổng diện tích Ông Nguyễn Hưng T vi phạm chiếm đất tính đến ngày 24/01/2019 là **2.095,0 m²**.

*Do ông T không thực hiện các quyết định cũng như thông báo về việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, ngày 18/3/2019, Ủy ban nhân dân xã ban hành Thông báo số 20/TB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế và tiến hành giao Thông báo cho ông T.

* Ngày 25/3/2019, Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND về việc đình chỉ Quyết định số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 về việc

cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả vì lý do: có sai sót về kỹ thuật soạn thảo mà không làm ảnh hưởng đến nội dung Quyết định. Ủy ban nhân dân xã tiến hành giao Quyết định cho ông T và lập biên bản niêm yết công khai vì lý do ông T không nhận Quyết định.

*Ngày 28/3/2019, Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức cưỡng chế và lập Biên bản cưỡng chế thi hành Quyết định số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 và Quyết định số 85/QĐ-CC ngày 23/2/2019 về việc cưỡng chế buộc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông T: Ủy ban nhân dân xã đã cưỡng chế toàn bộ công trình vi phạm và cây cối trên tổng diện tích vi phạm **2.095,0 m²** tại Khu T, thôn Đ. Quá trình cưỡng chế, Ủy ban nhân dân xã không thu giữ bất cứ tài sản, đồ đạc, vật dụng nào của hộ gia đình Ông Nguyễn Hưng T.

Quá trình tổ chức cưỡng chế hoàn toàn công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy định và có Đài truyền hình Hà Nội, Phòng Văn hóa thông tin và Thể thao huyện H quay camera, chụp ảnh tư liệu, có sự chứng kiến đầy đủ của các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện, trưởng, phó các đoàn thể xã, trưởng thôn, bí thư chi bộ thôn, một số người dân trong thôn.

Sau cưỡng chế, Ủy ban nhân dân xã đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công tiếp tục thực hiện dự án thi công Nhà văn hóa, nhưng Ông Nguyễn Hưng T đã có hành vi ngăn cản đơn vị thi công và tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm chiếm đất, đồng thời gửi đơn khởi kiện hành chính đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L. Ủy ban nhân dân xã L đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm toàn bộ hồ sơ về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất, công tác giải quyết đơn thư, công tác xử lý vi phạm đất đai để làm căn cứ cho việc xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hưng D trình bày:

Thửa đất của gia đình nhà ông được tổ tiên gia đình lưu truyền lại. Năm 1964, ông của ông giao lại cho bố mẹ ông quản lý gần 3.000 m² đất không có Quyết định giao đất vì đây là đất hương hỏa do các cụ truyền từ đời này sang đời khác.

Năm 1992, khi bố ông chết, mẹ ông còn sống, cả gia đình đã thống nhất giao quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông trông nom, quản lý. Toàn bộ họ tộc đều công nhận nguồn gốc sử dụng, chưa được sự công nhận của chính quyền địa phương. Từ khi mẹ ông giao, ông quản lý trông nom.

Năm 2007, vợ chồng ông giao một phần đất cho vợ chồng Ông Nguyễn Hưng T quản lý, sử dụng là 1.308 m². Sau đó, ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 308 m². Phần còn lại do vợ chồng ông quản lý và xây dựng một số gian nhà để thờ cúng tổ tiên. Phần bị cưỡng chế là của nhà ông. Nhà được xây dựng năm 1964. Bức tường rào giáp với nhà ông Nguyễn Quang Thực là do bố mẹ ông xây từ năm 1964.

Sau khi biết Ủy ban nhân dân xã L quy hoạch nhà văn hóa vào đất nhà ông, ông đã có đơn trình báo đến chính quyền về việc không đồng ý cho UBND xã L quy hoạch nhà văn hóa vào đất của gia đình ông. Ông đã có những buổi làm việc, trình báo với Ủy ban nhân dân xã về việc khu đất nhà ông là để thờ cúng tổ tiên nhưng các đồng chí cán bộ xã không chấp nhận.

Ông không được nhận bất cứ giấy tờ, thông báo nào từ Ủy ban nhân dân xã. Tất cả thông báo giao cho ông Nguyễn Hưng T là đất ông đã giao cho từ trước.

Ủy ban nhân dân xã không làm việc với ông để vận động về việc làm Nhà văn hóa trong khi diện tích đất bị cưỡng chế là của ông.

Tổ chức việc cưỡng chế ngày 28/3/2019. Sau khi cưỡng chế, ngày 17/5/2019, Ủy ban nhân dân xã L có Quyết định số 174/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của anh Nguyễn Hưng Toàn.

Quyết định cưỡng chế là đối với ông Nguyễn Hưng T nhưng tài sản cưỡng chế là của ông nên việc cưỡng chế của Ủy ban nhân dân xã là hoàn toàn sai. Ông chỉ giao cho ông T 1.308 m² chứ không giao toàn bộ diện tích đất. Trong khi đó, khi Ủy ban nhân dân xã tiến hành cưỡng chế thì đã cưỡng chế toàn bộ cả diện tích đất của ông.

Vì vậy, ông đề nghị xem xét, giải quyết vụ án theo đề nghị của phía người khởi kiện là ông Nguyễn Hưng T hủy toàn bộ các quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L và Ủy ban nhân dân xã L.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Bà là vợ ông Nguyễn Hưng D. Bà đồng ý với tất cả ý kiến, trình bày của ông D và không có ý kiến gì khác và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Vân N trình bày:**

Bà là vợ Ông Nguyễn Hưng T. Bà đồng ý với tất cả ý kiến, trình bày của ông T và không có ý kiến gì khác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2021, Tòa án nhân dân huyện H đã xét xử sơ thẩm và quyết định:

Áp dụng:

- Điều 204 của Luật đất đai 2013;
- Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ;
- Khoản 1 Điều 38; Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012
- Các Điều 30; Điều 31; Điều 38; Điều 39; Điều 41; Điều 43; Điều 130; Điều 131; Điều 146; Điều 191; Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính 2015;
- Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hưng T.

Tuyên hủy

- Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 29/01/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai của Chủ tịch UBND xã L đối với ông Nguyễn Hưng T;

- Thông báo số 20/TB-UBND, ngày 18/3/2018 của UBND xã L với nội dung: Tổ chức cưỡng chế công trình xây dựng trên diện tích 2.095 m² theo Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND xã L;

- Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 của Chủ tịch UBND xã L;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 174/QĐ-UBND, ngày 17/5/2019 của Chủ tịch UBND xã L.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hưng T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với việc cưỡng chế của UBND xã L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hưng T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Hưng T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) dự phí hành chính sơ thẩm ông T đã nộp, theo biên lai thu số 0008924 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, thành phố Hà Nội.

Chủ tịch UBND xã L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 204 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015;*

Người khởi kiện, Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Không đồng ý với kết quả xét xử sơ thẩm, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện H ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ - và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện rút một phần yêu khởi kiện gồm: Rút yêu cầu hủy Thông báo số 20/TB -UBND ngày 18/03/2019 của Ủy ban nhân dân xã L về việc tổ chức cưỡng chế và rút yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L xin lỗi công khai.

- Ủy ban nhân dân xã L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hưng T.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội rút một phần kháng nghị về nghĩa vụ chịu án phí. Các nội dung khác giữ nguyên như kháng nghị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:

+ Đơn kháng cáo của người bị kiện là trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ

+ Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định; Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H;
2. chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã L;
3. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H theo hướng bác đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Hưng T. Đồng thời đình chỉ yêu cầu khởi kiện hủy Thông báo số 20/TB-UBND của Ủy ban nhân dân xã L và hủy yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L xin lỗi công khai của Ông Nguyễn Hưng T.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng:

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L kháng cáo và nộp tạm ứng án phí kháng cáo trong hạn luật định nên kháng cáo được xác định là hợp lệ.

Đối tượng khởi kiện của vụ án là các Quyết định hành chính được người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính Nhà nước ban hành trong hoạt động quản lý về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Tòa án nhân dân huyện H thụ lý sơ thẩm giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về điều kiện và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30 và khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Theo đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Hưng T thể hiện: Ông T khởi kiện đối với 04 quyết định hành chính, trong đó có 03 quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ban hành, cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L là người bị kiện là có căn cứ, tuy nhiên đối với Thông báo số 20/TB-UBND do Ủy ban nhân dân xã L ban hành, cấp sơ thẩm lại xác định đây là Quyết định hành chính bị kiện để tuyên hủy là không đúng. Thông báo này chỉ là một trong các quy trình để thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 435/QĐ – CCXP ngày 09/11/2018 mà không phải là Quyết định hành chính bị kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính. Trong trường hợp này, cấp sơ thẩm cần phải đình chỉ trả lại đơn khởi kiện đối với yêu cầu này nhưng lại xem xét giải quyết là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với Thông báo số 20/TB-UBND nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ đối với yêu cầu này của Ông Nguyễn Hưng T.

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hưng T thể hiện, ông T khởi kiện đối với các Quyết định hành chính, buộc Ủy ban nhân dân xã L bồi thường thiệt hại và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L xin lỗi công khai. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã rút yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại, Bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là có căn cứ, tuy nhiên đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L xin lỗi công khai lại không được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng không hỏi Người khởi kiện về nội dung này theo qui định tại Điều 171 và 172 Luật Tố tụng hành chính xem họ có thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện nào không để từ đó giải quyết hết các yêu cầu của người khởi kiện. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, Người khởi kiện rút đề nghị buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L xin lỗi công khai, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Những sai sót về tố tụng tại cấp sơ thẩm không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ việc, do đó không cần thiết phải hủy án, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

II. Xét nội dung kháng cáo:

Xét các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

+ Về thẩm quyền ban hành:

1/ Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPHC ngày 29/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L:

Theo Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 27/01/2018 do Tổ công tác xã L lập thể hiện:

Ông T có hành vi vi phạm: Chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tại

Khu T, ông T đã xây dựng 02 trụ cổng bằng gạch chỉ cao 2,0m, rộng 0,5m, dài 0,5m; dựng 01 cửa bằng sắt cao 2,5m, rộng 2,5m; xây tường bao bằng gạch cao trung bình 1,4m, chiều dài 15,3m; khoan 1 giếng nước; dựng cọc tre quây lưới sắt cao 2m, dài 23m...trên tổng diện tích đất 759,0 m².

Do ông T có hành vi vi phạm hành chính trên diện tích đất công nên ngày 29/01/2018, Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 50/QĐ-XPHC.

Theo qui định tại điểm b, d khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: “ b, Phạt tiền đến 10% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng qui định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 5.000.000đ” và “ d, Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả qui định tại các điểm a,b,c và d khoản 1 Điều 28 của luật này”.

Tiếp theo: Tại khoản 2 và khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014 của Chính phủ qui định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi lấn, chiếm đất thì: “2. Phạt tiền từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ đối với hành vi lấn, chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở” và “5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a, Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm”.

Tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định 102/2014 qui định về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc xử phạt vi phạm hành chính thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền : “ b; Phạt tiền đến 5.000.000đ” và “ d; Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm”.

Như vậy với các căn cứ pháp luật trên, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPHC ngày 29/01/2018 là đúng thẩm quyền, áp dụng biện pháp “ buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm” là phù hợp với qui định của pháp luật. Không thuộc trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “ Buộc trả lại đất đã lấn chiếm” để từ đó xác định hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính và chuyển vụ việc vi phạm đến người có thẩm quyền giải quyết theo qui định tại điểm b khoản 4 Điều 52 Luật xử lý vi phạm hành chính như Bản án sơ thẩm đã nhận định.

2/ Đối với Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 29/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L:

Do ông T không chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ-XPHC do đó ngày 09/11/2018, Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định số 435/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm d khoản 1 Điều 38 luật xử lý VPHC qui định về thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã: “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả qui định tại điểm a,b,c và d khoản 1 Điều 28 của luật này” ; Điều 86 qui định về Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý VPHC qui định về thẩm quyền quyết định cưỡng chế: “a, Chủ tịch UBND các cấp”, phù hợp điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014 của Chính phủ về lấn, chiếm đất: “ Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm”.

3/ Xét Quyết định giải quyết khiếu nại số 174/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L:

Do ông T có khiếu nại đối với Thông báo số 20/TB-UBND và Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP, trên cơ sở xác minh nội dung khiếu nại và kết quả đối thoại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 4 Điều 36 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Điều 17; Điều 27, Điều 28; Điều 29; Điều 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại.

+ Về nội dung của các quyết định:

Xem xét về nguồn gốc đất:

Theo Bản đồ địa chính lập năm 1986 thì khu vực T hiện do ông T đang có hành vi chiếm đất thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ số 4, tổng diện tích 3.704m² thuộc thôn Đ, xã L. Thửa đất trên tại thời điểm đó không đứng tên cá nhân, tổ chức nào.

Bản đồ địa chính xã năm 2005, đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2006, khu vực T là đất công do Ủy ban nhân dân xã quản lý, không giao cho hộ gia đình, các nhân nào.

Bản đồ qui hoạch sử dụng đất giai đoạn từ 2001- 2010 đã được Ủy ban nhân dân huyện H phê duyệt ngày 25/4/2003 thì khu vực T là đất nông nghiệp ruộng 2 vụ .

Bản đồ qui hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010 – 2020 thì khu vực T sau khi qui hoạch để xây dựng Nhà văn hóa là đất phi nông nghiệp.

Năm 2000, Ủy ban nhân dân xã tiến hành đào đất đắp đường giao thông đi sang phường Dương Nội, do Khu T có địa hình sâu trũng nên các cá nhân (6 hộ gia đình) đã đắp bờ, trồng tre. Tuy nhiên khi được giải thích, vận động các hộ đã tự giác trả lại diện tích đất và không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã bồi thường, hỗ trợ.

Ngoài ra, theo tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Diện tích đất ông T vi phạm đã qui hoạch Nông thôn mới theo Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 21/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện H, Khu T được qui hoạch xây dựng Nhà văn hóa thôn Đ và đất đấu giá.

Như vậy xác định diện tích 3.704m² đất thuộc Khu T là đất công do Ủy ban nhân dân xã quản lý, chưa giao cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào sử dụng. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ kiện từ cấp sơ thẩm đến cấp phúc thẩm, người khởi kiện trình bày đất do cha ông để lại nhưng không xuất trình được giấy tờ hợp pháp xác lập quyền sở hữu đối với thửa đất trên.

Đối với “ Giấy giao quyền sử dụng đất ở cho con” vào năm 2007 của ông Nguyễn Hưng Toàn cung cấp có xác nhận của chính quyền địa phương, xác định diện tích đất này do ông Nguyễn Hưng D (là bố ông T cho con) nhưng không thống nhất về diện tích. Có bản ghi diện tích 1.308m²; có bản ghi 360m² có xác nhận của chính quyền địa phương là 308 m², người khởi kiện không cung cấp được bản gốc bản có diện tích 1.308m². Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đối với 02 văn bản “ Giấy giao quyền sử dụng đất ở cho con” do ông T xuất trình thể hiện việc ông D cho ông T 02 diện tích đất khác nhau nhưng phần tiếp giáp tứ cận của 02 diện tích đất này lại

giống nhau trong khi một diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Mặt khác, Giấy giao quyền sử dụng đất ở cho con có diện tích 1.308m² có dấu hiệu sửa chữa và ghi thêm nội dung (nhìn bằng mắt thường). Quá trình giải quyết vụ án, Ông Nguyễn Hưng T có cung cấp cho Tòa án văn bản: “Giấy giao quyền sử dụng đất ở cho con” được lập ngày 10/11/2007 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L ngày 10/3/2008. Đây là bản sao được công chứng do công chứng viên Nguyễn Thị L thuộc Văn phòng công chứng M chứng nhận bản sao đúng với bản chính ngày 09/4/2019. Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của “Giấy giao quyền sử dụng đất ở cho con” mà ông T cung cấp vì có dấu hiệu sửa chữa, viết thêm. Tòa án yêu cầu ông T cung cấp bản chính nhưng ông T trình bày bị Ủy ban nhân dân xã L thu giữ khi tiến hành cưỡng chế ngày 28/3/2019, trong khi đó Ủy ban nhân dân xã L khẳng định khi tiến hành cưỡng chế không thu giữ văn bản tài liệu gì của gia đình ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T lý giải cho việc giao nộp bản sao “Giấy giao quyền sử dụng đất ở cho con” có chứng thực của Văn phòng công chứng Mỹ Đình ngày 09/4/2019 là do Văn phòng công chứng M đã dựa trên hồ sơ lưu ông T đã thực hiện công chứng các lần trước đối với văn bản này để cấp lại cho ông. Tòa án đã yêu cầu Văn phòng công chứng M làm rõ về việc chứng thực này. Văn phòng công chứng Mỹ Đình đã có văn bản trả lời với nội dung: *Việc sao y bản chính tài liệu bản chính tài liệu trên vào ngày 09/4/2019, Văn phòng công chứng M đã thực hiện đúng theo Luật công chứng hiện hành và các văn bản pháp luật khác về việc công chứng và chứng thực. Khi thực hiện sao y bản chính, công chứng viên đã đối chiếu bản gốc theo đúng quy định của pháp luật.* Như vậy, việc ông T trình bày ông thực hiện công chứng sao y “Giấy giao quyền sử dụng đất ở cho con” tại Văn phòng công chứng M ngày 09/4/2019 mà không có bản gốc khi đi công chứng là không đúng.

Bản án sơ thẩm nhận định: Bức tường rào giáp nhà ông Y và bà H xây dựng trước năm 1980 kéo dài gần hết phần diện tích thửa đất gia đình đang quản lý nằm trên phần diện tích đất đã bị Ủy ban nhân dân xã L cưỡng chế tháo dỡ từ đó dẫn chiếu đến việc phân bị tháo dỡ là phần diện tích đất do gia đình ông D và ông T quản lý sử dụng từ trước năm 1980 và xác định gia đình sử dụng ổn định thửa đất này là không phù hợp bởi lẽ tại phiên tòa sơ thẩm ông D và ông T đều thừa nhận bức tường này xây từ trước năm 1980 nhưng trên phần đất (308m²) ông T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra hồ sơ cũng thể hiện rõ quá trình quản lý đất đai tại địa phương qua từng thời kỳ theo bản đồ địa chính cũng như bản đồ quy hoạch sử dụng đất tại địa phương, cùng với việc xác minh nguồn gốc đất trên cơ sở lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng đất Khu T là đất công và lập biên bản cũng như ban hành các quyết định hành chính đối với ông T là đúng qui định của pháp luật. Bản án sơ thẩm chỉ nhận định phần diện tích một chiều về việc: “UBND xã chỉ căn cứ vào kết quả công tác lấy ý kiến về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất mà không căn cứ vào sổ sách quản lý tại địa phương cũng như thực tế sử dụng đất là không có cơ sở pháp luật” để từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện là không phù hợp, không đúng bản chất vụ việc.

Đối với ý kiến của ông Nguyễn Hưng D cho rằng: Quyết định cưỡng chế là đối với Ông Nguyễn Hưng T nhưng tài sản cưỡng chế là của ông nên việc cưỡng chế của Ủy ban nhân dân xã là hoàn toàn sai. Ông chỉ giao cho ông T 1.308 m² chứ không giao toàn bộ diện tích đất. Trong khi đó, khi Ủy ban nhân dân xã tiến hành cưỡng chế thì đã cưỡng chế toàn bộ cả diện tích đất của ông. Ý kiến này của ông D, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định ông D không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh thể hiện tài sản bị cưỡng chế là của ông nên không có cơ sở để chấp nhận.

Qua nội dung phân tích trên thấy cần sửa bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H theo hướng bác đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Hưng T.

Do bác đơn khởi kiện nên ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm. Căn cứ Luật Phí và Lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 và Điều 242; Điều 348 và Điều 349 Luật tổ tụng hành chính 2015; Luật Phí và Lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện H và kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Bác các yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hưng T, gồm các yêu cầu hủy Quyết định số 50/QĐ-XPHC ngày 29/01/2018 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 174/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đối với Ông Nguyễn Hưng T.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hưng T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với việc cưỡng chế của Ủy ban nhân dân xã L.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hưng T đề nghị hủy Thông báo số 20/TB-UBND, ngày 18/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã L với nội dung: Tổ chức cưỡng chế công trình xây dựng trên diện tích 2.095 m² theo Quyết định cưỡng chế số 435/QĐ-CCXP ngày 09/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Hưng T đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L phải xin lỗi công khai.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hưng T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008924 ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nên được hoàn trả số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0015135 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Lam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

